



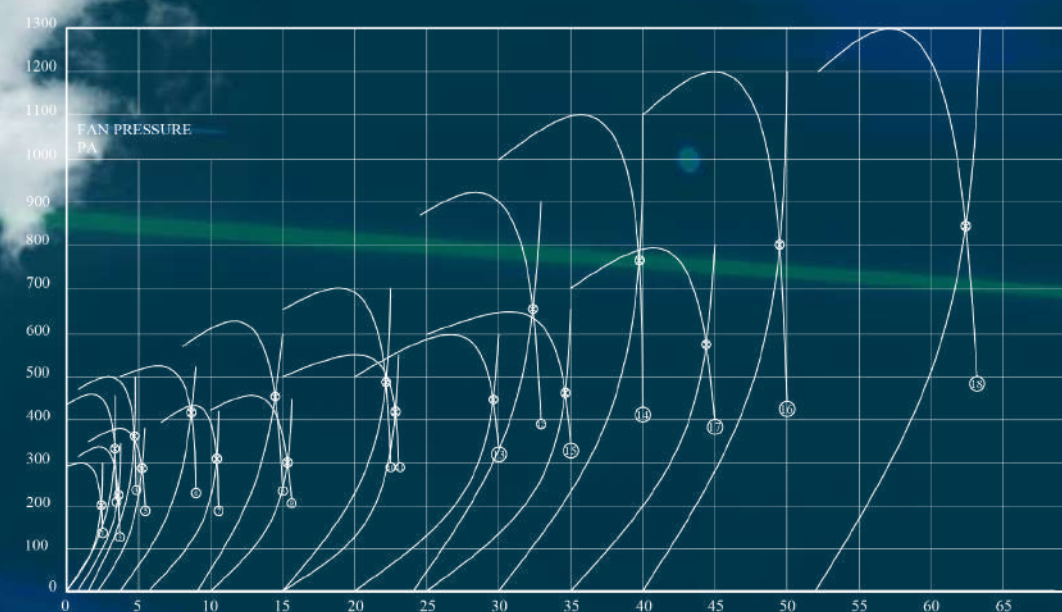
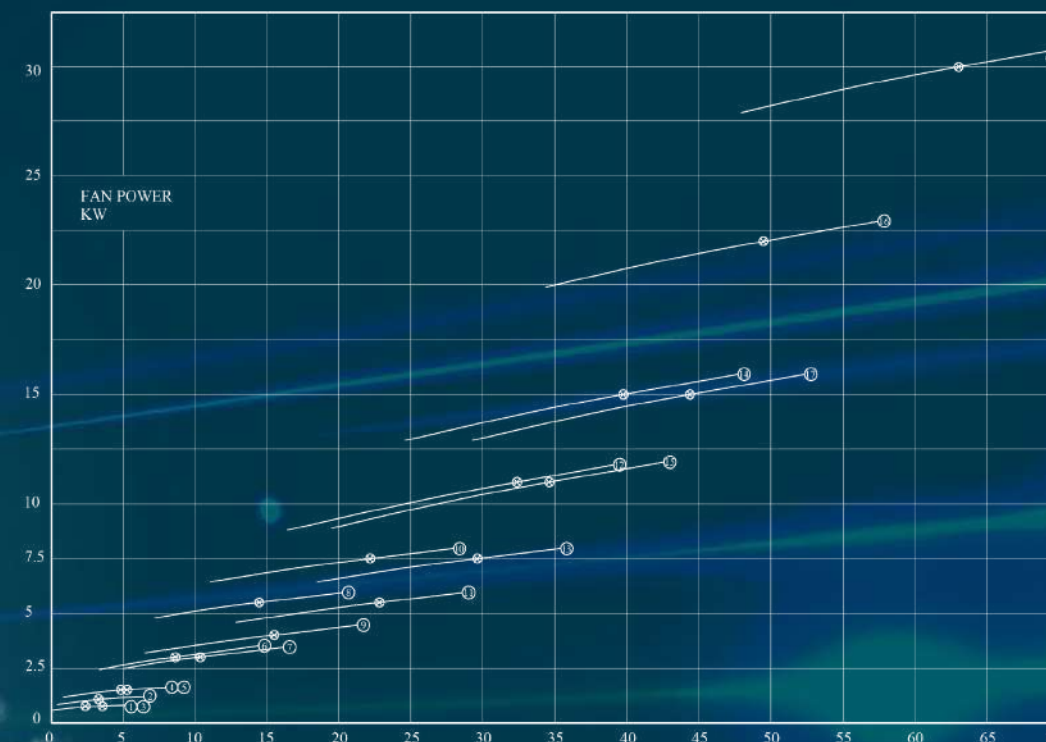
SỬ DỤNG

Hút khói hệ thống tầng hầm tòa nhà.

Cấp khí tươi nối ống, hút khói, hút mùi xăng xe tại các hầm giữ xe...

ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ Cánh quạt được lắp trực tiếp vào trục động cơ.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc động cơ chống cháy, chịu nhiệt từ 200°C đến 400°C trong 2h của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIEMENS,...
- ✦ Lưu lượng ổn định, áp suất thấp, hiệu suất cao, độ ồn thấp.
- ✦ Khả năng tháo rời và lắp ráp một cách dễ dàng thuận tiện cho việc vận chuyển lên vị trí lắp đặt tại các tòa nhà.
- ✦ Vật liệu chế tạo: thép, Inox.



Volume Flow M³/h x 1000

SYSTEM FAN Prog V390

* Liên hệ tới System Fan để nhận đường đặc tính cụ thể cho từng mã quạt System Fan.

BẢNG ĐỘ ỒN

MODEL	3,2		4		5		6,3		7		8		10		11		12	
SCDC-BN ₀	0,75	1,1	0,75	1,5	1,5	3	3	5,5	4	7,5	5,5	11	7,5	15	11	22	15	30
Inlet SPL dBA (Near Field)	66	85	68	77	70	80	70	80	85	83	77	85	79	87	82	92	85	93
Outlet SPL dBA (Near Field)	67	86	69	78	71	81	71	81	86	84	78	86	80	88	83	94	86	95
Cassing SPL dBA (3m)	63	68	72	74	75	75	77	79	80	82	84	85	86	88	88	89	89	91

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

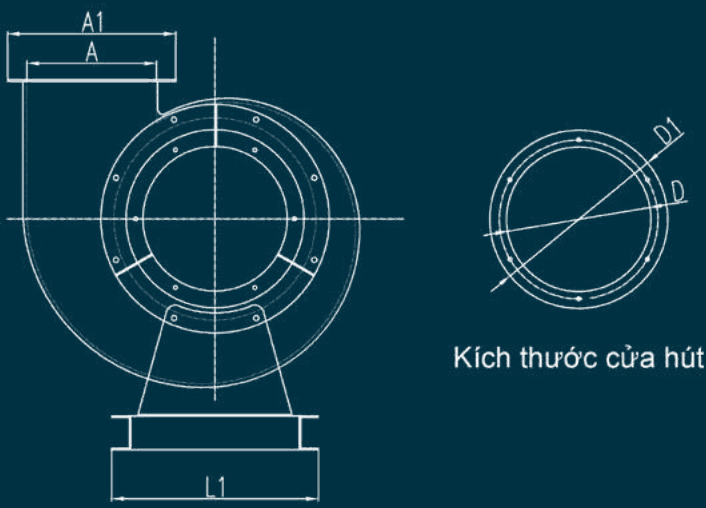
STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất	Trọng lượng
		(kW)	(Pole)	(V)	(m³/h)	(Pa)	(Kg)
1	SCDC-B3,2	0,75	6P	380	1000-2000	150-300	59
		1,1	4P		2000-3000	220-450	59
2	SCDC-B4	0,75	6P	380	2000-3500	160-350	95
		1,5	4P		2500-5000	240-500	95
3	SCDC-B5	1,5	6P	380	3300-5500	200-380	140
		3	4P		5000-11000	240-520	140
4	SCDC-B6,3	3	6P	380	7000-11000	200-420	224
		5,5	4P		9000-16000	250-600	224
5	SCDC-B7	4	6P	380	10000-16000	220-450	370
		7,5	4P		15000-27000	300-700	370
6	SCDC-B8	5,5	6P	380	15000-30000	300-550	460
		11	4P		28000-40000	400-900	460
7	SCDC-B10	7,5	6P	380	20000-35000	330-600	614
		15	4P		35000-50000	420-1100	614
8	SCDC-B11	11	6P	380	30000-45000	350-660	750
		22	4P		45000-65000	450-1200	750
9	SCDC-B12	15	6P	380	40000-60000	400-800	950
		30	4P		60000-75000	500-1300	950

KÍCH THƯỚC

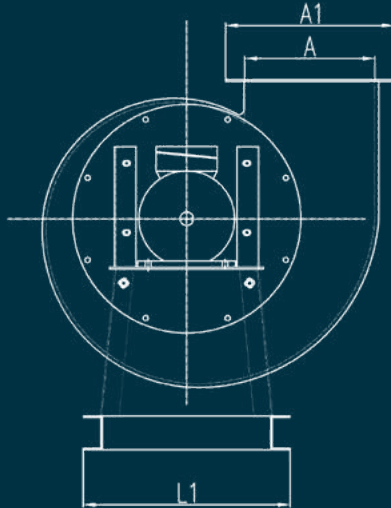
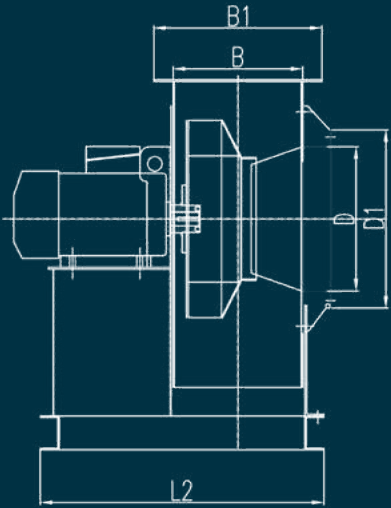
*Bản vẽ có thể đã được cải tiến, Liên hệ System Fan để lấy bản vẽ và kích thước chính xác nhất

Model	A	A1	A2	B	B1	B2	D	D1
3,2	220	300	220	300	300	370	400	550
4	270	350	270	350	300	370	420	600
5	320	400	320	400	350	420	500	750
6,3	440	540	440	540	450	520	600	880
7	485	585	463	560	500	570	750	950
8	600	700	500	600	700	770	700	1100
10	800	900	600	700	800	880	920	1200
11	800	900	600	700	800	880	920	1300
12	950	1050	800	900	900	1000	1020	1400

BẢN VẼ KỸ THUẬT



Kích thước cửa hút



Kích thước cửa thổi

CHIỀU QUAY HƯỚNG GIÓ

